

GIÁO TRÌNH JQUERY CỦA VIETPRO EDUCATION (BUỔI 2)

A - LÝ THUYẾT

I - JQUERY HTML

1. Các phương thức Get content lấy nội dung

Cú pháp:

`$('selector').text()`

`$('selector').html()`

`$('selector').attr('attribute')`

`$('selector').val()`

Trong đó:

- `Text()`: Chỉ lấy nội dung dạng text
- `Html()`: Lấy nội dung bao gồm cả text lẫn mã HTML
- `Attr()`: Lấy ra giá trị của thuộc tính truyền vào
- `Val()`: Lấy ra giá trị của thuộc tính Value

Ví dụ:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        var text, html, attr, val;

        text = $('p').text();
        html = $('p').html();
```

```
        attr = $('p').attr('align');

        val = $('input').val();

        alert(text+' - '+html+' - '+attr+' - '+val);

    });

});

</script>

<button id="but">Action</button>

<input type="text" value="vietpro.edu.vn" />

<p align="center">Trung Tâm Tin Học & Công Nghệ <b>VIETPRO</b></p>
```

2. Các phương thức Set content

thay đổi nội dung

gán giá trị

Cú pháp:

`$('selector').text('text')`

`$('selector').html('string')`

`$('selector').attr({params})`

`$('selector').val(value)`

Trong đó:

- Text: Nội dung dạng Text
- String: Một chuỗi
- params: Đối tượng lưu trữ các thuộc tính và giá trị
- Value: Giá trị bất kỳ

Ví dụ 1:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {

    $('#but').click(function(){

        $('p').html('Trung Tâm Tin Học & Công Nghệ <b>VIETPRO</b>');
        $('p').attr({'align':'center'});
        $('input').val('vietpro.edu.vn');

    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>
<input type="text" value="" />
<p></p>
```

3. Các phương thức thêm/xóa Class CSS trong jQuery

Cú pháp:

`$('selector').addClass(class1 class2 ...)`

`$('selector').removeClass(class1 class2 ...)`

`$('selector').toggleClass(class1 class2 ...)`

Trong đó:

- Class1, class2,... là danh sách các class muốn thêm vào hoặc loại bỏ đi

Ví dụ 1:

```
<style>
.mau-nen{
    background:#ff6600;
}
.mau-chu{
    color:#FFF;
}
.duong-vien{
    border:5px solid #333;
}
.vi-tri{
    text-align:center;
}
</style>

<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').addClass('mau-nen mau-chu duong-vien vi-tri');
    });
});
</script>
```

```
<button id="but">Action</button>
```

```
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

Ví dụ 2:

```
<style>
```

```
.mau-nen{
```

```
    background:#ff6600;
```

```
}
```

```
.mau-chu{
```

```
    color:#FFF;
```

```
}
```

```
.duong-vien{
```

```
    border:5px solid #333;
```

```
}
```

```
.vi-tri{
```

```
    text-align:center;
```

```
}
```

```
</style>
```

```
<script>
```

```
$(document).ready(function(e) {
```

```
    $('#but').click(function(){
```

```
        $('p').addClass('mau-nen mau-chu duong-vien vi-tri');
```

```
        $('p').removeClass('duong-vien vi-tri');
```

```
});  
});  
</script>  
  
<button id="but">Action</button>  
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

Ví dụ 3:

```
<style>  
.mau-nen{  
    background:#ff6600;  
}  
.mau-chu{  
    color:#FFF;  
}  
.duong-vien{  
    border:5px solid #333;  
}  
.vi-tri{  
    text-align:center;  
}  
</style>  
  
<script>  
$(document).ready(function(e) {
```

```
$('#but').click(function(){
    $('p').toggleClass('mau-nen mau-chu duong-vien vi-tri');
});
});
</script>

<button id="but">Action</button>

<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

4. Các phương thức thêm thuộc tính CSS trong jQuery

Cú pháp:

`$(selector).css('property', 'value')`

Hoặc

`$(selector).css({'property 1': 'value 1', 'property 2': 'value 2',... 'property N': 'value N'})`

Trong đó:

- Property: Thuộc tính trong CSS
- Value: Giá trị tương ứng của từng thuộc tính cụ thể trong CSS

Ví dụ:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('p').css({
            'background': '#ff6600',
```

```
        'color': '#FFF',  
        'border': '5px solid #333',  
        'text-align': 'center'  
    });  
});  
</script>  
  
<button id="but">Action</button>  
<p>Trung Tâm Đào Tạo Lập Trình Viên Website & Mobile VIETPRO</p>
```

II – JQUERY TRAVERSING

1. Các phương thức lọc phần tử cha (Parent)

Cú pháp:

```
$(‘selector’).parent(‘element’)  
$(‘selector’).parents(‘element’)  
$(‘selector’).parentUntil(‘element’)
```

Trong đó:

- **Parent()**: Phương thức lọc ra tất cả các phần tử cha với cấp gần nhất. Nếu như có nhiều element khác nhau cùng cấp thì có thể lựa chọn chính xác một element nào đó.
- **Parents()**: Phương thức lọc ra tất cả các phần tử cha của tất cả các cấp. Nếu như có nhiều element khác nhau cùng cấp thì có thể lựa chọn chính xác một element nào đó.
- **ParentsUntil(‘element’)**: Phương thức lọc ra tất cả các phần cha của tất cả các cấp và dừng lại trước element

Ví dụ 1:

```
$(document).ready(function(e) {  
    $('#but').click(function(){  
        $('a').parent().css('border', '1px solid red');  
    });  
});  
</script>  
  
<button id="but">Action</button>  
  
<ul>  
    <li><a href="#">HTML</a></li>  
    <li><a href="#">CSS</a></li>  
    <li><a href="#">Javascript</a></li>  
</ul>
```

Ví dụ 2:

```
<script>  
$(document).ready(function(e) {  
    $('#but').click(function(){  
        $('a').parents().css('border', '1px solid red');  
    });  
});  
</script>
```

```
<button id="but">Action</button>

<ul>

    <li><a href="#">HTML</a></li>

    <li><a href="#">CSS</a></li>

    <li><a href="#">Javascript</a></li>

</ul>
```

Ví dụ 3:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('a').parentsUntil('body').css('border', '1px solid red');
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>

<ul>

    <li><a href="#">HTML</a></li>

    <li><a href="#">CSS</a></li>

    <li><a href="#">Javascript</a></li>

</ul>
```

2. Các phương thức lọc phần tử con (Children)

Cú pháp:

`$('selector').children()`

`$('selector').find('element')`

`$('selector').find('*')`

Trong đó:

- `Children()`: Phương thức lọc ra tất cả các phần tử con với cấp gần nhất. Nếu như có nhiều element khác nhau cùng cấp thì có thể lựa chọn chính xác một element nào đó.
- `Find()`: Phương thức lọc ra tất cả các phần tử con của một cấp nào đó theo element truyền vào.
- `Find('*')`: Phương thức lọc ra tất cả các phần tử con của tất cả các cấp

Ví dụ 1:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('ul').children().css('border', '1px solid red');
    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>

<ul>

    <li><a href="#">HTML</a></li>

    <li><a href="#">CSS</a></li>
```

```
<li><a href="#">Javascript</a></li>
</ul>
```

Ví dụ 2:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('ul').find('a').css('border', '1px solid red');
    });
});
</script>
```

```
<button id="but">Action</button>
<ul>
    <li><a href="#">HTML</a></li>
    <li><a href="#">CSS</a></li>
    <li><a href="#">Javascript</a></li>
</ul>
```

Ví dụ 3:

```
<script>
$(document).ready(function(e) {
    $('#but').click(function(){
        $('ul').find('*').css('border', '1px solid red');
    });
});
</script>
```

```

    });
});
</script>

<button id="but">Action</button>

<ul>

    <li><a href="#">HTML</a></li>

    <li><a href="#">CSS</a></li>

    <li><a href="#">Javascript</a></li>

</ul>

```

3. Phương thức lọc phần tử bất kỳ (Eq)

Cú pháp:

`$('selector').eq(index)`

Trong đó:

- `Eq()`: Phương thức lọc ra chính xác một Element theo vị trí index.
- Index: vị trí của Element trong một tập hợp Element được đánh số là những số nguyên dương bắt đầu từ 0 (tương tự như đánh số key của phần tử mảng)

Ví dụ:

```

<script>

$(document).ready(function(e) {

    $('#but').click(function(){

        $('ul').children().eq(1).css('border', '1px solid red');
    });
});

```

```
});  
});  
</script>  
  
<button id="but">Action</button>  
  
<ul>  
  <li><a href="#">HTML</a></li>  
  <li><a href="#">CSS</a></li>  
  <li><a href="#">Javascript</a></li>  
</ul>
```

B – BÀI TẬP

I – BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Xây dựng Menu đa cấp cho website.
2. Xây dựng hoàn chỉnh Ads Float cho website.
3. Xây một Slideshow chuyển động ảnh đơn giản (Simple Slideshow)
4. Xây một Slideshow chuyển động ảnh phức tạp (Anvanced Slideshow)

II – BÀI TẬP VỀ NHÀ